

BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI CHO NÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ: THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Tiến Hùng¹

¹ Tiến sĩ, Học viện Chính sách và Phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Email: hunghoavi@gmail.com

Nhận ngày 14 tháng 5 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tóm tắt: Cho đến nay, lịch sử thế giới đã trải qua 3 cuộc cách mạng công nghiệp và đang vận động, phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bất kỳ cuộc cách mạng công nghiệp nào đã xảy ra trong lịch sử đều tạo ra những biến đổi sâu sắc trong sự phát triển, nhưng cũng để lại những hệ lụy về công ăn, việc làm, và xã hội. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tương tự. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến vấn đề bảo đảm an sinh xã hội cho nông dân Việt Nam trước những thời cơ và thách thức mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại cho nông nghiệp, nông dân.

Từ khóa: Công nghiệp 4.0, nông nghiệp 4.0, an sinh xã hội cho nông dân.

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn không chỉ là chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao đời sống, cải thiện chất lượng an sinh xã hội cho nông dân. Vấn đề này luôn chiếm vị trí quan trọng trong các chương trình nghị sự của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu”, đồng thời “đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về

nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu

tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao” [7, tr.92-93]. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn, bởi quá trình sản xuất nông nghiệp những năm gần đây tuy đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng kém bền vững và còn nhiều thách thức, nhất là khi thế giới đã và đang bước vào kỷ nguyên công nghiệp 4.0.

1. Nhận diện nông nghiệp 4.0

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau khi bàn về nông nghiệp 4.0, trong đó có hai quan điểm nhận được sự đồng thuận tương đối của các nhà nghiên cứu, đó là quan điểm của Hiệp hội máy nông nghiệp châu Âu và của các nhà nghiên cứu người Mỹ.

Theo Hiệp hội máy nông nghiệp châu Âu [Xem: 8], khái niệm nông nghiệp 4.0 được hiểu như sau:

Thứ nhất, nông nghiệp 1.0 xuất hiện ở đầu thế kỷ XX, vận hành với hệ thống tiêu tốn sức lao động, năng suất thấp. Nền nông nghiệp đó có khả năng nuôi sống dân số, nhưng đòi hỏi số lượng lớn các nông hộ nhỏ và một phần ba dân số tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu thô.

Thứ hai, nông nghiệp 2.0, đó là cách mạng xanh, bắt đầu vào những năm 50 của thế kỷ XX, khởi đầu là giống lúa mì lùn cải tiến, nhưng phải dựa nhiều vào việc bón thêm đạm, sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học tổng hợp, cùng với máy móc chuyên dùng, cho phép hạ giá thành và tăng năng suất, đem lại lợi nhuận cho tất cả các bên tham gia.

Thứ ba, nông nghiệp 3.0, từ chỗ nâng cao hiệu quả đến nâng cao lợi nhuận nhờ

chủ động và sáng tạo hạ giá thành, nâng cao chất lượng, đưa ra sản phẩm khác biệt: a) Bắt đầu khi định vị toàn cầu (GPS) được ứng dụng đầu tiên để định vị và định hướng; b) Điều khiển tự động và cảm biến (sensor) đối với nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng, dinh dưỡng, từ những năm 90 của thế kỷ XX, máy gặt đập liên hợp được gắn thêm màn hình hiển thị năng suất dựa vào định vị GPS; c) Tiến bộ công nghệ sử dụng các thiết bị không dây (Telematics).

Thứ tư, nông nghiệp 4.0, thuật ngữ được sử dụng đầu tiên tại Đức và được hiểu là các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi được kết nối mạng bên trong và bên ngoài đơn vị (có thể hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả lĩnh vực thủy sản, lâm nghiệp). Nghĩa là thông tin ở dạng số hóa dành cho tất cả các đối tác và các quá trình sản xuất giao dịch với các đối tác bên ngoài đơn vị, như các nhà cung cấp và khách hàng tiêu thụ được truyền dữ liệu, xử lý, phân tích dữ liệu phần lớn tự động qua mạng internet. Sử dụng các thiết bị internet có thể tạo điều kiện quản lý lượng lớn dữ liệu và kết nối nội bộ với các đối tác bên ngoài đơn vị. Một số thuật ngữ khác thường được sử dụng, như “nông nghiệp thông minh” và “canh tác số hóa”, dựa trên sự ra đời của các thiết bị thông minh trong nông nghiệp. Các thiết bị thông minh bao gồm các cảm biến, các bộ điều tiết tự động, công nghệ có thể tính toán như bộ não và giao tiếp kỹ thuật số. Nông nghiệp 4.0 mở đường cho sự tiến hóa tiếp theo, bao gồm những hoạt động không cần sự hiện diện trực tiếp của con người và dựa vào hệ thống

thiết bị có thể đưa ra những quyết định một cách tự động.

Theo tổng kết ở Mỹ thì đến nay, các thành phần chủ yếu của nông nghiệp 4.0 thường được hiểu như sau:

a) Cảm biến kết nối vạn vật (IoT Sensors): Từ dinh dưỡng đất kết nối với máy chủ và các máy kết nối khác là thành phần chủ yếu của nông nghiệp hiện đại.

b) Công nghệ đèn LED đang trở thành tiến bộ không thể thiếu để canh tác trong nhà vì sự đáp ứng sinh trưởng và năng suất tối ưu.

c) Người máy (Robot) đang thay việc do nông dân thường làm. Người máy cũng có cả các bộ phận tích nhờ các phần mềm trợ giúp phân tích và đưa ra xu hướng trong các trang trại.

d) Tế bào quang điện (Solar cells). Phần lớn các thiết bị trong trang trại được cấp điện mặt trời và các bộ pin điện mặt trời trở nên quan trọng.

đ) Thiết bị bay không người lái (Drones) và các vệ tinh (satellites) được sử dụng để thu thập dữ liệu của các trang trại.

e) Canh tác trong nhà/hệ thống trồng cây - nuôi cá tích hợp/Thủy canh (khí canh): Hiện nhiều giải pháp đã được hoàn thiện.

f) Công nghệ tài chính phục vụ trang trại (Farm Fintech): Fintech nghĩa là kinh doanh dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ. Fintech được sử dụng chung cho tất cả các công ty tài chính sử dụng internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của hoạt động ngân hàng và đầu tư. Farm Fintech bao gồm dịch vụ cho vay, thanh toán, bảo hiểm.

2. Nông nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0 đối với việc đảm bảo an sinh xã hội cho nông dân

2.1. Thời cơ cho nông nghiệp Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0

Trong quá trình đẩy mạnh tái cấu trúc nền nông nghiệp Việt Nam hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội quý giá cho Việt Nam với các tiềm năng ứng dụng mới, như ứng dụng trí tuệ nhân tạo giúp tự động hóa toàn bộ quy trình sản xuất; công nghệ sinh học giúp giải mã nhanh các hệ gen tạo ra những giống cây trồng mới chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ viễn thám phục vụ công tác trong quản lý, giám sát, dự báo lũ, lụt trên các lưu vực sông, cảnh báo cháy rừng; công nghệ vật liệu nano giúp sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo đặc tính của các vi sinh vật trong đất và giúp bảo quản nông lâm sản tốt hơn, tăng chất lượng và hạn sử dụng. Ngoài ra, những ứng dụng khác, như công nghệ in 3D, Robot giúp thay thế lao động chân tay, tăng năng suất, giảm giá thành... Nông nghiệp 4.0 chính là thay đổi phương thức quản lý nông nghiệp, đồng thời vận động theo hướng tập trung chủ yếu vào sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano. Theo đó, nông nghiệp 4.0 sẽ mở đường cho những hoạt động sản xuất chính xác, chặt chẽ mà con người không cần có sự hiện diện trực tiếp. Nông nghiệp 4.0 sẽ là một quy trình khép kín bằng công nghệ, như giống chất lượng cao, phân bón thông minh, thuốc trừ sâu thảo được;

canh tác chính xác, giảm hao hụt giống và giảm khí thải nhà kính; tự động hóa từ thu hoạch, bảo quản, vận chuyển và chế biến; ứng dụng điện toán đám mây để truy xuất nguồn gốc... Đây là điểm khác biệt của nông nghiệp 4.0 so với nông nghiệp công nghệ cao.

Tại Việt Nam, từ năm 2011 trở lại đây, không khó để có thể bắt gặp những tập đoàn, công ty và cá nhân nông dân ứng dụng thiết bị cảm biến nhằm số hóa các yếu tố, như nước, phân bón, thuốc trừ sâu, độ ẩm, ánh sáng và chuyển nó vào các thiết bị kết nối Internet, như máy tính, điện thoại.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển đa dạng các nhóm sản phẩm nông nghiệp, trong hơn 30 năm đổi mới Việt Nam đã từng bước phát huy tốt vai trò trụ đỡ của nông nghiệp cho phát triển công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp có năng lực xuất khẩu tốt, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế ở nước ta thời gian qua. Chẳng hạn, năm 2016, tổng giá trị các mặt hàng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng trên 32,1 tỷ USD. Ngành nông nghiệp hiện có 10 sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu chính, trong đó có đa số sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (cà phê, cao su, gạo, thủy sản, điều, hồ tiêu, rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ). Sản phẩm nông sản Việt Nam đã có mặt ở hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn của thế giới, như Mỹ, EU và Nhật Bản..., sang năm 2017 đạt con số 36,37 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2016 và trong 3 tháng đầu năm 2018 đạt 8,7 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2017 [Xem: 10]. Việt Nam là quốc gia đang

trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mở ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm; tạo ra sự thay đổi lớn về hình thái kinh doanh dịch vụ; tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển; tạo cơ hội đầu tư hấp dẫn và đầy tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ số và Internet, đồng thời cũng là cơ hội lớn cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp với trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.

Bên cạnh những thời cơ ấy, nền kinh tế Việt Nam nói chung, nền nông nghiệp nói riêng ở nước ta đang đứng trước những thách thức, cụ thể:

Thứ nhất, thiếu hụt lao động nông nghiệp có tay nghề và trình độ cao trong bối cảnh tác động của kỷ nguyên 4.0.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển với mục tiêu cao nhất để phục vụ con người và cho con người ngày càng tốt hơn. Nó tác động mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các khía cạnh chủ yếu của nền kinh tế mỗi quốc gia, như về cấu trúc trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, mô hình kinh doanh, thị trường lao động. Điều này cho thấy, những quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ thấp sẽ ngày càng tụt hậu xa hơn và bị lệ thuộc nhiều hơn vào các quốc gia phát triển. Vì vậy, con đường duy nhất để có thể gia tăng sức mạnh quốc gia là phải dựa chủ yếu vào nguồn lực lao động có chất lượng cao, dựa vào khoa học, công nghệ hiện đại và luôn đổi mới, sáng tạo.

Tính đến năm 2017, theo Tổng cục Thống kê, dân số nước ta vào khoảng 93,7 triệu người, tăng 987,3 nghìn người, tương đương tăng 1,07% so với năm 2016, bao gồm dân số thành thị 32,9 triệu người, chiếm 35,1%; dân số nông thôn 60,8 triệu người, chiếm 64,9%; dân số nam 46,2 triệu người, chiếm 49,3%; dân số nữ 47,5 triệu người, chiếm 50,7%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2017 ước tính 53,7 triệu người, tăng 416,1 nghìn người so với năm 2016. Trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2017, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 40,3% (Năm 2016 là 41,9%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,7% (Năm 2016 là 24,7%); khu vực dịch vụ chiếm 34,0% (Năm 2016 là 33,4%). Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2017 khu vực thành thị chiếm 31,9% (Năm 2016 là 31,7%); khu vực nông thôn chiếm 68,1% (Năm 2016 là 68,3%). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo khu vực nông thôn 13,9% năm 2016. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2017 ước tính đạt 21,5%, cao hơn mức 20,6% của năm trước [Xem: 10]. Chất lượng lao động thấp đang là trở ngại lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nói chung và phát triển ngành mới, nghề mới tạo việc làm cho người lao động nói riêng. Trong tổng số người ở độ tuổi lao động có khả năng lao động của khu vực nông thôn năm 2016, có 26,09 triệu người chưa được đào tạo nghề hoặc đào tạo ngắn hạn không được cấp chứng chỉ, chiếm 84,1%; 4,92 triệu

người được đào tạo có bằng cấp chứng chỉ chuyên môn từ sơ cấp nghề trở lên, chiếm 15,9%; trong đó, chủ yếu là trình độ sơ cấp và trung cấp với 2,67 triệu người, chiếm 54,1% tổng số người có bằng cấp chứng chỉ và chiếm 8,6% tổng số lao động nông thôn. Đại học và trên đại học chỉ có 1,23 triệu người, chiếm 24,9% tổng số người có bằng cấp và 4,0% tổng số lao động. Trong 15,99 triệu chủ hộ nông thôn có 11,53 triệu người chưa qua đào tạo, chiếm 72,1%. Chủ hộ có bằng cấp từ sơ cấp trở lên chỉ có 1,76 triệu người, chiếm 11,0% [2, tr.18-19]. Như vậy, có thể thấy rằng, chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp nước ta còn thấp, là một trong những “điểm nghẽn” và chưa đáp ứng được yêu cầu của nông nghiệp 4.0 trong tương lai. Nguyên nhân chủ yếu của hiện trạng đó là do công tác đào tạo hiện nay chưa phù hợp, chất lượng đào tạo còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực và nhu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chưa theo kịp sự chuyển biến của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa dạy chữ với dạy người, dạy nghề.

Thứ hai, sự dư thừa lao động trong nông nghiệp do không đáp ứng về công nghệ, kỹ năng sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp, tạo sức ép về việc làm và hệ thống an sinh xã hội nói chung và cho nông dân nói riêng. Theo cảnh báo của các nhà nghiên cứu, sự tiến bộ về khoa học và công nghệ của kỷ nguyên 4.0 sẽ tạo ra một thị trường nhân lực với nhu cầu được phân

biệt rõ nét ở hai đầu, đó là một bên đòi hỏi nhân lực trình độ cao để vận hành quy trình sản xuất với những công nghệ hiện đại, còn một bên lại cần những lao động có trình độ thấp để lao động chân tay - những công việc không cần sử dụng máy móc, nhưng đòi hỏi sự chăm chỉ, tỉ mỉ. Sự phân cực lao động như vậy không những tạo ra khoảng lõm ở giữa, đó là những lao động có trình độ trung bình dễ dàng bị mất việc do rô-bốt thay thế, thậm chí 50% lực lượng lao động xã hội nói chung sẽ thất nghiệp, nếu không bắt kịp và đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên 4.0, nhất là lao động trong nông nghiệp ở trình độ thấp và trung bình thấp, phân tán, nhỏ lẻ như ở nước ta hiện nay.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2017 là 2,24% (Năm 2016 là 2,30%; năm 2015 là 2,33%), trong đó khu vực thành thị là 3,18% (Năm 2016 là 3,23%; năm 2015 là 3,37%); khu vực nông thôn là 1,78% (năm 2016 là 1,84%; năm 2015 là 1,82%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2017 là 7,51%, trong đó khu vực thành thị là 11,75%; khu vực nông thôn là 5,87%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động năm 2017 là 1,63%, thấp hơn mức 1,66% của năm 2016 và 1,89% của năm 2015, trong đó khu vực thành thị là 0,85% (Năm 2016 là 0,73%; năm 2015 là 0,84%); khu vực nông thôn là 2,07% (Năm 2016 là 2,12%; năm 2015 là 2,39%) [Xem: 10]. Giờ đây, thế giới đang bước vào ngưỡng cửa của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với nhiều thay đổi về lối sống, cách làm việc

và quan hệ. Quy mô, phạm vi và tính phức tạp của nó sẽ không giống với bất kỳ những gì chúng ta đã trải qua từ trước tới nay. Tương lai không xa, thị trường lao động trong mỗi quốc gia cũng như quốc tế sẽ có sự phân hóa mạnh mẽ giữa nhóm lao động có kỹ năng thấp và nhóm lao động có kỹ năng cao, sự dịch chuyển lao động tất yếu sẽ theo hướng lao động có trình độ cao, kỹ năng chuyên nghiệp sẽ chảy về những nước và trung tâm phát triển cao trong mỗi vùng, miền, còn lao động trình độ thấp, thiếu kỹ năng làm việc sẽ dịch chuyển về các nước và vùng chậm phát triển, làm cho sự phân cực thể giới, sự phân hóa giàu nghèo, tiếp cận các dịch vụ xã hội sẽ ngày càng sâu sắc hơn và chúng ta sẽ chứng kiến tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nguồn nhân lực ở tất cả các lĩnh vực lao động, trong đó đáng báo động và quan ngại nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân sẽ chiếm tỷ lệ thất nghiệp, mất việc làm ngày càng cao..., từ đó gia tăng áp lực cho an sinh xã hội nói chung và cho nông dân nói riêng.

2.2. Thách thức của nền nông nghiệp trong cách mạng 4.0 đối với an sinh xã hội của người nông dân Việt Nam

Chính sách an sinh xã hội là trụ cột của hệ thống chính sách xã hội, là một trong những chính sách xã hội cơ bản của các quốc gia hướng vào bảo vệ, bảo đảm an toàn cho các thành viên xã hội trong các trường hợp rủi ro dẫn đến bị giảm hoặc bị mất thu nhập, hoặc phải tăng chi phí đột xuất do nhiều nguyên nhân khác nhau. Xu hướng chung của các nước trên thế giới ngày nay là lựa chọn mô hình hệ thống an

sinh xã hội hoàn chỉnh và hiệu quả, kết hợp đề cao trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng và nhà nước. Đó là một hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt và có thể hỗ trợ lẫn nhau, bảo đảm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục được các rủi ro cho mọi người, không một ai bị gạt ra bên lề xã hội.

An sinh xã hội có vai trò quan trọng trong việc trợ giúp cho những cá nhân, nhóm, cộng đồng người gặp khó khăn vượt qua thử thách trong cuộc sống, hòa nhập xã hội. Hệ thống an sinh xã hội góp phần tạo sinh kế, thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập, khi người lao động bị ốm đau, mất khả năng lao động, mất việc làm, hoặc chết. Thông qua sự thay thế hoặc bù đắp thu nhập kịp thời mà người lao động nhanh chóng khắc phục được những tổn thất về vật chất, nhanh phục hồi sức khỏe, ổn định cuộc sống để tiếp tục quá trình hoạt động bình thường.

Bên cạnh đó, an sinh xã hội còn góp phần đảm bảo an toàn, ổn định cho toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Giải quyết an sinh xã hội góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc “điều hoà” các “mâu thuẫn xã hội”, phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội; tạo nên sự đồng thuận giữa các giai tầng, các nhóm xã hội trong quá trình phát triển, điều tiết tốt hơn và hạn chế các nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và bất ổn của xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế nhanh sẽ cho phép có thêm nguồn lực để chăm lo phát triển về xã hội, mà trọng tâm là hệ thống an sinh xã hội. Mặt khác, để phòng ngừa, hạn chế tổn thất, các đơn vị kinh tế phải đề ra các quy định chặt chẽ về an toàn lao

động buộc mọi người phải tuân thủ. Khi có rủi ro xảy ra với người lao động, hệ thống an sinh xã hội kịp thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho người lao động nhanh ổn định cuộc sống và sản xuất. Tất cả những yếu tố đó góp phần quan trọng giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, ổn định kinh tế - xã hội. Đại hội XII của Đảng ta đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động... Chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân” [7, tr.137].

Hệ thống an sinh xã hội đối với nông dân là một trong những công cụ quản lý nhà nước dùng để bảo vệ người nông dân trước những rủi ro do tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ..., và của các yếu tố tự nhiên. Thông qua hệ thống này, Nhà nước có được biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro và khắc phục những rủi ro xảy ra đối với người nông dân. Từ đó, tạo điều kiện giảm bất bình đẳng và thực hiện công bằng xã hội thông qua hệ thống an sinh này. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, vấn đề trách nhiệm, quyền và được tiếp cận an sinh đối với nông dân Việt Nam vẫn đang bất cập, chưa được thực

thi hiệu quả. Chẳng hạn, số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BH thất nghiệp) chung trong cả nước tính đến hết tháng 4/2018 ước đạt 81.047 nghìn người. Trong đó, số người tham gia BHXH bắt buộc là 13,759 triệu người; BHXH tự nguyện là 240 nghìn người; BH thất nghiệp là 11,674 triệu người; BHYT là 80,807 triệu người, tăng 1,01% so với 31-12-2017 [Xem: 3]. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở khu vực nông thôn mới chỉ chiếm 0,5% số người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội [12, tr.6]. Người có thể bảo hiểm y tế năm 2016 chiếm 76,4% tổng số nhân khẩu nông thôn, gấp 1,4 lần năm 2011. Riêng số người có thể bảo hiểm y tế miễn phí chiếm 32,5% tổng số nhân khẩu và tăng 7,8 điểm phần trăm [2, tr.16]. Tỷ lệ nhân khẩu nông thôn chưa có bảo hiểm y tế chiếm 23,6% tổng số nhân khẩu. Một số địa phương có gần 40% nhân khẩu không có bảo hiểm y tế, như Bình Phước 38,7%; Tây Ninh 37,7%; An Giang 36,4%. Tỷ lệ hộ có nhu cầu vay vốn nhưng không được các tổ chức tín dụng đáp ứng chiếm 26,9% tổng số hộ có nhu cầu. Tỷ lệ này ở An Giang là 53,2%; Sóc Trăng 52,0%; Cần Thơ 48,7%; Điện Biên 46,7%; Hà Giang 45,6% [2, tr.19],...

Diễn đạt theo ngôn ngữ của cách mạng công nghiệp 4.0, sự kết nối vạn vật, mà cụ thể là kết nối giữa chính sách và thực tiễn, kết nối giữa các cơ quan công quyền với người dân, kết nối giữa các cơ quan cung ứng dịch vụ và người thụ hưởng dịch vụ trong an sinh xã hội ở Việt Nam đang còn

nhiều “điểm nghẽn”, cần phải được tháo gỡ. Bên cạnh đó, an sinh xã hội cho nông dân đang phải đối mặt với nhiều vấn đề khác, như sự thay đổi về nhân khẩu học (già hóa dân số), thiên tai, thảm họa; nghèo đói; môi trường...; việc cần đảm bảo trợ cấp về an sinh xã hội không trở thành vấn đề cản trở động lực làm việc của người nông dân; các chương trình an sinh xã hội phải được hoàn thiện để đáp ứng tích cực đối với tình hình này, tạo ra được hệ thống dịch vụ dễ tiếp cận đối với các nhóm lao động, nhóm dân cư, nhất là các nhóm dễ bị tổn thương,... Như vậy, an sinh xã hội của Việt Nam nói chung và an sinh xã hội cho nông dân nói riêng đang đứng trước nhiều thử thách, trước ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0, nông nghiệp 4.0. Điều này cũng không chỉ có Việt Nam, mà nhiều quốc gia có điều kiện hoàn cảnh tương đồng như Việt Nam cũng đã đang và sẽ gặp phải.

Để kịp thời tạo ra những điều kiện đáp ứng đòi hỏi của cách mạng công nghiệp 4.0, nông nghiệp 4.0 trong giai đoạn mới bắt đầu và chúng ta cũng có điều kiện để tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ do nó đem lại, giảm áp lực gia tăng cho hệ thống an sinh xã hội đối với nông dân, chúng ta cần phải:

Một là, các cấp bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương cần nghiêm túc thực hiện và đưa chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 - 5 - 2017 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng khoa học công nghiệp lần thứ tư” vào cuộc sống, nhất là hệ thống các giải pháp đã được nhấn mạnh trong Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Hai là, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của công nghiệp 4.0 trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp 4.0 đối với toàn xã hội, nhất là khu vực nông thôn, nông dân.

Ba là, cần đẩy mạnh hơn việc phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, xây dựng các chuỗi giá trị nông nghiệp xuyên biên giới. Tăng cường đầu tư các chương trình nghiên cứu, đào tạo, khuyến nông, hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch bệnh và quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng của công nghệ số cho nông dân.

Bốn là, tận dụng tối đa các ứng dụng của công nghệ 4.0 trong các chương trình quản lý tài nguyên thiên nhiên và quản lý rủi ro thiên tai quy mô vùng (dự báo, cảnh báo sớm thời tiết; cảnh báo cháy rừng; diễn biến xâm nhập mặn nước ngầm, nước mặt; cảnh báo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước; cảnh báo lũ lụt; giám sát an toàn hồ đập và điều hành liên hồ chứa thông minh...) và sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, khoa học cho phát triển nông nghiệp.

Năm là, cải cách hệ thống an sinh xã hội cho nông dân phù hợp với tái cơ cấu nền nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới phù hợp với xu thế của nền nông nghiệp 4.0 từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Từ đó, làm cho hệ thống an sinh xã hội nói chung và an sinh xã hội cho nông dân nói riêng tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức mà hệ lụy khách quan của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại cho nông nghiệp, nông dân.

Sáu là, thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với Việt Nam nói chung và đối với nông dân nói riêng vừa phải mang tính phổ quát và toàn diện, vừa mang tính đặc thù đối tượng. Để tạo cơ sở đẩy mạnh việc thực hiện và hoàn thiện an sinh xã hội lành mạnh, bền vững, thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội, đối với nông dân trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0, chúng ta cần chú ý đến những trụ cột của nó, chú trọng xây dựng và hoàn thiện những trụ cột chính của nó là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội, ưu đãi xã hội cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn góp phần mở rộng đối tượng, nguồn thu, đồng thời bảo đảm tính bền vững của cả hệ thống an sinh xã hội; cần xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội hoàn chỉnh theo nguyên tắc đóng - hưởng (bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp). Đồng thời, cần đa dạng hóa các hình thức cứu trợ xã hội, chuyển mạnh sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội hoạt động không vì lợi nhuận, tạo cơ hội và ưu tiên cho các đối tượng nhận trợ cấp tiếp cận các nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng về giáo dục, đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa - thông tin,... thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo khu vực nông nghiệp gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội bằng việc phân bổ ngân sách nhà nước và các chương trình chống nghèo có mục tiêu theo địa lý nhằm chuyển nguồn lực tới các tỉnh nghèo và huyện nghèo; trực tiếp hỗ trợ các gia đình nghèo, các xã nghèo...

Bây là, xây dựng thị trường lao động cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0 theo hướng chủ động, tháo gỡ, đương đầu với thách thức để phát triển và do vậy, cần xây dựng chính sách thị trường lao động chủ động. Đây là biện pháp nhằm ngăn ngừa nạn thất nghiệp và thiếu việc làm với mục tiêu tạo việc làm và tăng thu nhập, điều hòa về cầu lao động, nâng cao công bằng xã hội (hỗ trợ nhóm lao động yếu thế)...

Tóm lại, kỷ nguyên công nghiệp 4.0 đã và đang song hành, tác động sâu sắc đến quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, khi mà sức mạnh của công nghệ và những liên kết khác đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia; khi mà hội nhập có yêu cầu cao chưa từng có đối với tái cấu trúc nền kinh tế nói chung, nông nghiệp Việt Nam nói riêng với yêu cầu ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước đang đặt ra những thời cơ, thách thức phải vượt qua, thì vấn đề an sinh xã hội cần phải được coi là một chỉ báo của sự ổn định và phát triển. Đầu tư an sinh cho nông dân được coi là một khoản đầu tư vào con người để “không ai bị bỏ lại phía sau” trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mục tiêu phát triển bền vững xã hội. Do vậy, cần phải có sự quan tâm can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước, của các thể chế chính trị nhằm làm cho hệ thống an sinh xã hội nói chung và an sinh cho nông dân Việt Nam vừa là chỉ báo cho sự phát triển và ổn định nền kinh tế, vừa là nguồn lực cho sự phát triển nông nghiệp bền vững của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mai Ngọc Anh (2010), *An sinh xã hội đối với nông dân trong niên kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương (2017), *Báo cáo tóm tắt kết quả chính thức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016* (tài liệu phục vụ Họp báo công bố kết quả chính thức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016), Hà Nội, 10-2017.
- [3] Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tích cực triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP, <https://baohiemxahoi.gov.vn>.
- [4] Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2015), *Kết quả công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*, Báo cáo số 389/BC-BHXH, ngày 04/2/2015, Hà Nội.
- [5] Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2015), *Kết quả công tác tháng 6/2015 và tình hình hoạt động 7 tháng đầu năm 2015*, Báo cáo số 2837/BC-BHXH, ngày 31/07/2015, Hà Nội.
- [6] Mai Ngọc Cường (chủ biên), *Về an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [8] European Agricultural Machinery, 2017, nguồn <https://scholar.google.com.vn>.
- [9] Hội Nông dân Việt Nam, *Báo cáo tổng kết chương trình phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, BHYT y tế giữa BHXH Việt Nam và Hội Nông dân Việt nam giai đoạn 2012-2015*, Hà Nội, 2016.
- [10] Tổng cục Thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2015; 2016; 2017 và 04 tháng đầu năm 2018*, nguồn <https://gso.gov.vn>.